

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2022/DS-ST

Ngày: 13-7-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Thái;

2. Ông Lê Minh Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn: Ông Võ Thế L, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Hồng O, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số CA, tổ C, hẻm MM, lộ M, ấp TT, xã TT1, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Đồng bị đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1971 và anh Võ Trần Hoài L1, sinh năm 2001; địa chỉ: Số B, tổ C, hẻm MM, lộ M, ấp TT, xã TT1, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; bà H có mặt, anh L1 có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2021, bản tự khai, các lời khai tại tòa án của đồng nguyên đơn- ông Nguyễn Thế Lân và bà Nguyễn Thị Hồng O trình bày:*

Bà Võ Thị Thu H là chị gái của ông L, cháu Võ Trần Hoài L1 là con trai của bà H gọi ông là cậu. Bà H và chồng đã ly hôn 11 năm, nên bà H sống cùng hai con là Võ Trần Hoài L1 và Võ Thị Hoài T. Do mối quan hệ huyết thống trong gia đình

và bà H cần có tiền vốn làm ăn mua bán vườn mận cầu nên bà O, ông L đã cho gia đình bà H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), cụ thể ngày 24/02/2021 vay 300.000.000 đồng; ngày 04/4/2021 vay 200.000.000 đồng; ngày 22/4/2021 vay 300.000.000 đồng; ngày 22/5/2021 vay 200.000.000 đồng; ngày 01/6/2021 vay 100.000.000 đồng; ngày 05/6/2021 vay 150.000.000 đồng; ngày 25/6/2021 vay 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và thỏa thuận thời hạn vay là khi nào bà O, ông L cần thì báo trước 02 ngày. Những lần vay nhận tiền và thanh toán nợ lãi các bên không làm giấy nhận nợ.

Sau đó, vợ chồng bà biết được thông tin bà H đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh L1 vào ngày 08/6/2021 nên đến gặp yêu cầu trả nợ thì anh L1 và bà H hứa sẽ cùng nhau trả dần hàng tháng, nếu không có tiền thì sẽ bán tài sản để trả nợ cho vợ chồng bà. Để có giấy tờ làm tin nên ngày 26/9/2021, bà O, ông L đến nhà bà H yêu cầu viết giấy nợ nhưng chỉ gặp chị T nên có nói chị T viết giấy nợ: “*Nội dung ngày vay tiền ngày 26-02-2021, tổng số tiền vay gốc 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), nội dung thỏa thuận: lãi suất %/tháng, thời gian trả hàng tháng đến 26-04-2024, nếu không trả thì giao tài sản là nhà và đất để khấu trừ nợ*”. Sau khi viết giấy nợ xong thì chị T giữ lại giấy nợ và đưa cho bà H, anh L1 ký sau. Ngày hôm sau thì bà O đến gặp chị T để lấy giấy nợ. Bà O xác định ngày vay tiền ghi trong giấy nợ không đúng vì phải là ngày 24/02/2021 nhưng vì chỉ chênh lệch 02 ngày và vì chị T đã lỡ viết nên để nguyên nội dung. Tính đến ngày 26/9/2021 thì bà H đã thanh toán cho vợ chồng bà tổng tiền lãi là 200.000.000 đồng gồm tiền mặt 178.000.000 đồng và khấu trừ tiền hụi chết mà bà O nợ bà H (do chị Hà làm chủ hụi) là 22.000.000 đồng. Ngày 09/10/2021 AL tương ứng ngày 14/10/2021 DL bà H trả 100.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ngày 20/11/2021, bà H trả thêm 50.000.000 đồng tiền nợ gốc, đồng thời các bên cùng khấu trừ tiền hụi của bà H là 50.000.000 đồng (tiền thôi hụi vốn do bà O chơi giùm cho bà H).

Từ sau đó cho đến nay, bà H, anh L1 không thanh toán nợ gốc và tiền lãi vay. Đồng thời, vợ chồng bà biết được anh L1 có ý định chuyển nhượng đất nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ cho vợ chồng bà nên vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu bà H và anh L1 phải trả số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 21/11/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Thu H trình bày:*

Bà H thống nhất lời trình bày của bà O, ông L về mối quan hệ huyết thống, số tiền vay gốc ban đầu, số tiền gốc còn nợ lại là 1.200.000.000 đồng, và các khoảng thời gian về vay, trả nợ cũng như việc khấu trừ các khoản tiền hụi vào tiền

lãi và tiền gốc. Tuy nhiên, hai bên không thỏa thuận thời gian trả. Bà xác định hai bên thỏa thuận lãi suất là 4.200.000 đồng/ngày, bà đã trả lãi đầy đủ cho bà O, ông L từ ngày 27/02/2021 đến ngày 20/9/2021 thì ngưng trả lãi do bà làm ăn bị thất bại. Các bên giao nhận tiền không có biên nhận. Ngày 26/9/2021, bà O, ông L đến yêu cầu gia đình bà viết giấy nhận nợ. Sau đó, con gái của bà là chị T viết giấy nhận nợ rồi đến buổi tối mới đưa bà ký tên, sáng ngày hôm sau thì đưa anh L1 ký tên. Khi ký thì do bà và anh L1 không đọc nội dung, không biết đó là giấy nợ nên mới ký tên. Thực tế, bà là người trực tiếp nhận tiền của bà O, ông L, anh L1 chỉ ký tên vào giấy nhận nợ, không có giao dịch nhận tiền. Bà thừa nhận do nợ ngân hàng không có tiền thanh toán nên bà đã sang tên nhà đất cho con trai là anh L1.

Tại phiên tòa, bà đồng ý còn nợ ông L, bà O tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng nhưng yêu cầu tính lại lãi theo lãi suất của ngân hàng thành tiền là 126.000.000 đồng vì tiền lãi bà đã trả cho bà O, ông L từ ngày 27/02/2021 đến 20/9/2021 là 206 ngày x 4.200.000 đồng/ngày = 865.200.000 đồng và tiền lãi tháng 10+11/2021 là 22.000.000 đồng. Tổng tiền lãi bà O, ông L đã nhận là 887.200.000 đồng. Khấu trừ hai mức lãi là 887.200.000 đồng - 126.000.000 đồng = 761.000.000 đồng.

Số tiền gốc còn lại phải trả cho vợ chồng ông L là: 1.200.000.000 đồng – 761.000.000 đồng = 561.000.000 đồng. Bà xác định bà là người có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà O, ông L số tiền nợ gốc, không đồng ý thanh toán nợ lãi tiếp theo, không đồng ý anh L1 có nghĩa vụ cùng bà trả nợ và xin trả dần hàng tháng do bà đang gặp khó khăn kinh tế.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Trần Hoài L1 trình bày:* Anh L1 thừa nhận chữ ký tên ghi họ tên trong giấy nợ là của anh, nhưng anh không nhận tiền, không biết về tiền nợ, nên anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà O, ông L. Anh L1 thừa nhận nhà đất hiện anh đang đứng tên do mẹ của anh tặng cho và đang thế chấp ngân hàng TMCP Quốc tế để vay số tiền 450.000.000 đồng và việc anh kêu người bán nhà đất là có thật.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định; xác định đúng tư cách tố tụng; đảm bảo thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định; đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập, công khai và bình đẳng. Các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật, chấp hành nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà O đối với bà H và anh L1. Buộc bà H, anh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L, bà O số tiền vay gốc còn nợ là 1.200.000.000 đồng sau khi khấu trừ tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật và tiền lãi từ ngày 26/11/2021 đến nay với mức lãi suất 1,66%/tháng. Án phí: Bà H và anh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh L1 có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về nghĩa vụ trả nợ: Các bên thống nhất số tiền vay ban đầu là 1.400.000.000 đồng, hiện số tiền nợ gốc còn lại là 1.200.000.000 đồng. Bà H đã trả lãi đến ngày 26/9/2021 thì ngưng.

Xét bà O trình bày ban đầu người vay là bà H. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng bà phát hiện việc bà H sang tên nhà, đất cho con trai là anh L1 thì các bên bao gồm cả anh L1 đã gặp nhau và thỏa thuận về việc bà H, anh L1 cùng nhau trả nợ cho vợ chồng bà, nếu không trả được nợ thì sẽ bán tài sản để trả nợ. Bà H, anh L1 cũng xác nhận việc đã sang tên nhà đất cho anh L1 đứng tên. Ngày 26/9/2021, con gái của bà H là chị T đã tự mình viết giấy nợ và đưa lại cho bà H, anh L1 cùng ký tên vào giấy nợ với nội dung như các bên đã thỏa thuận. Xét bà H, anh L1 đều là người biết chữ, đồng thời, giấy nợ lại do chính con gái của bà H viết và đưa lại cho bà H, anh L1 ký tên sau nên việc bà H, anh L1 cho rằng không biết nội dung của văn bản nên mới ký tên là không có cơ sở. Do vậy, giấy nợ được viết vào ngày 26/9/2021 được xem là thỏa thuận mới giữa các bên về việc thỏa thuận người có trách nhiệm trả nợ là bà H, anh L1.

Do đó, việc bà O, ông L khởi kiện bà H, anh L1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi và khấu trừ tiền lãi vay:

Xét bà O, ông L xác định hai bên thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng được diễn giải cụ thể như sau:

Ngày 24/02/2021 đến ngày 26/9/2021: vay 300.000.000 đồng x 3%/tháng x 07 tháng 01 ngày = 63.300.000 đồng;

Ngày 04/4/2021 đến ngày 26/9/2021: vay 200.000.000 đồng x 3%/tháng x 05 tháng 21 ngày = 34.200.000 đồng;

Ngày 22/4/2021 đến ngày 26/9/2021: vay 300.000.000 đồng x 3%/tháng x 05 tháng 03 ngày = 45.900.000 đồng;

Ngày 22/5/2021 đến ngày 26/9/2021: vay 200.000.000 đồng x 3%/tháng x 04 tháng 03 ngày = 24.600.000 đồng;

Ngày 01/6/2021 đến ngày 26/9/2021: vay 100.000.000 đồng x 3%/tháng x 03 tháng 24 ngày = 11.400.000 đồng;

Ngày 05/6/2021 đến ngày 26/9/2021: vay 150.000.000 đồng x 3%/tháng x

03 tháng 20 ngày = 16.500.000 đồng;

Ngày 25/6/2021 đến ngày 26/9/2021: vay 150.000.000 đồng x 3%/tháng x 03 tháng = 13.500.000 đồng;

Như vậy, tính tới ngày 26/9/2021, với mức lãi suất 3%/tháng thì bà H phải trả lãi cho bà O, ông L số tiền là 209.400.000 đồng nhưng vì bà H chỉ trả tiền mặt là 178.000.000 đồng nên các bên đã thống nhất khấu trừ tiền hụi 22.000.000 đồng vào tiền lãi và làm tròn số nên tổng tiền lãi mà bà O, ông L đã nhận của bà H là 200.000.000 đồng.

Bà H thì cho rằng đã thanh toán tiền lãi đối với số tiền 1.400.000.000 đồng từ ngày 27/02/2021 đến 20/9/2021 tổng cộng là 887.200.000 đồng nhưng khi giao nhận tiền lãi thì không làm biên nhận giấy tờ gì nên bà H không có chứng cứ về việc số tiền lãi đã trả. Do bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền lãi đã trả nên chấp nhận theo lời khai thừa nhận của bà O, ông L về việc đã nhận tiền lãi là 200.000.000 đồng như đã nêu ở trên. Số tiền lãi này tương ứng với mức lãi suất 3%/tháng và đồng thời, theo giấy nợ viết vào ngày 26/9/2021 cũng có nội dung thỏa thuận về mức lãi suất 3%/tháng được bà H, anh L1 ký tên nên lời trình bày của bà O, ông L về việc các bên thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng là có căn cứ. Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay không có thời hạn nhưng có lãi.

Ngày cuối cùng bà H thanh toán tiền nợ gốc cho bà O, ông L là ngày 20/11/2021, do đó, việc bà O, ông L yêu cầu tính lãi từ ngày 21/11/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét mức lãi suất mà các bên thỏa thuận 3%/tháng là cao hơn mức lãi suất theo quy định của tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, do đó, đối với số tiền lãi mà bà O, ông L đã nhận của bà H được tính lại lãi như sau:

+ Số tiền lãi được tính từ ngày vay đến ngày 26/9/2021 như sau:

Ngày 24/02/2021 đến ngày 26/9/2021: 300.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 07 tháng 01 ngày = 35.026.000 đồng.

Ngày 04/4/2021 đến ngày 26/9/2021: 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 05 tháng 21 ngày = 18.924.000 đồng.

Ngày 22/4/2021 đến ngày 26/9/2021: 300.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 05 tháng 03 ngày = 25.398.000 đồng.

Ngày 22/5/2021 đến ngày 26/9/2021: 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 04 tháng 3 ngày = 13.612.000 đồng.

Ngày 01/6/2021 đến ngày 26/9/2021: 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 03 tháng 24 ngày = 6.308.000 đồng.

Ngày 05/6/2021 đến ngày 26/9/2021: 150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 03 tháng 20 ngày = 9.130.000 đồng.

Ngày 25/6/2021 đến ngày 26/9/2021: 150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 03 tháng = 7.470.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà bà H phải trả cho bà O, ông L tính từ ngày vay đến ngày 26/9/2021 theo quy định của pháp luật là: 115.868.000 đồng. Tuy nhiên, do bà H đã trả cho bà O, ông L số tiền lãi 200.000.000 đồng là dư 84.132.000 đồng so với tiền lãi phải trả theo quy định nên được khấu trừ vào tiền nợ gốc tương ứng: 1.200.000.000 đồng - 84.132.000 đồng = 1.115.868.000 đồng.

Như vậy, bà H, anh L1 có nghĩa vụ trả cho bà O, ông L số tiền nợ gốc là 1.115.868.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/11/2021 đến ngày 13/7/2022 là: 1.115.868.000 đồng x 1,66%/tháng x 7 tháng 22 ngày = 143.247.694 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở tuyên buộc bà H, anh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O, ông L số tiền gốc còn nợ 1.115.868.000 đồng và tiền lãi 143.247.694 đồng, tổng cộng 1.259.115.694 đồng.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H, anh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng + [3% x (1.259.115.694 đồng - 800.000.000 đồng)] = 49.773.470 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết về án phí, lệ phí số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thế L và bà Nguyễn Thị Hồng O đối với bà Võ Thị Thu H và anh Võ Trần Hoài L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Võ Thị Thu H và anh Võ Trần Hoài L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Thế L và bà Nguyễn Thị Hồng O tổng số tiền 1.259.115.694 (một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, một trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 1.115.868.000 (một tỷ, một trăm mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn) đồng và tiền lãi là 143.247.694 (một trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Thu H và anh Võ Trần Hoài L1 phải liên đới chịu 49.773.470 đồng.

Ông Võ Thế L và bà Nguyễn Thị Hồng O không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn lại cho ông Võ Thế L

và bà Nguyễn Thị Hồng O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000668 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan